

# Nói về miếu, miếu, mạo

VƯƠNG HỒNG SẴN

**Lời tòa soạn:** Vương Hồng Sển (1902-1996) là nhà nghiên cứu văn hóa, nhà sưu tập đồ cổ nổi tiếng của Nam Bộ. Trong các văn phẩm của Ông, về tôn giáo tín ngưỡng tuy không nhiều nhưng có những điểm độc đáo. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo trân trọng đăng lại bài viết này từ tập Tạp bút năm Nhân Thân 1992, di thảo do Nxb. Trẻ ấn hành năm 2003, bày tỏ tri ân với một cây bút khả kính.

## Dẫn:

Tôi đã viết hai bài đại lược những gì tôi hiểu về “đình”, “chùa”, v.v... Tôi nhận còn thiếu sót nhiều, nhưng đó là ý kiến do tôi thu được lúc còn “làm dâu” cho Trường Viễn đông Bác Cổ (E.F.E.O). Tôi chưa được là nhân viên nhưng vì họ chạy vào đây và ở chung với tôi nơi Viện Bảo tàng trong Thảo Cầm viên và họ đã dạy tôi chút ít, sau đó nhân người Bắc di cư vào, các bà lên đồng lên cốt đã cho tôi chứng kiến vài lần châu mời, “*cúng bà Chúa Thượng Ngàn*”. Cô bóng quay cuồng, mặt mũi bơ phờ, đội trên đầu cả trăm kí nặng, khi chiếc xe đạp, khi thúng bông đèn, và các bà hưởng ứng không tự chủ, như có gì đó nhập xác, thêm muốn chuyện khó nói ra đây. Sau nữa, một năm nọ, tại điện Hòn Chén, tôi lại mục kích một cuộc rước kiệu bà Chúa Thiên Y Na, tôi đứng đứng nửa khiếp nửa hồ nghi và đứng gần bên tôi là một bà có vẻ sang trọng, người Trung hay người Bắc tôi không biết, bà này thấy kiệu tám người, chục người khiêng nặng đi ngả xiêu ngả tó, bà nói nhỏ với tôi (tuy không quen) rằng: “Lên

giả”, v.v... tôi không dám trả lời. Kiệu đi ngang chúng tôi vài ba lần, một lần kiệu xê lại gần chỗ hai chúng tôi đang đứng, bỗng thình khổng thình khổng bà bước ra vụt ra thân phù giành khiêng một góc kiệu và kiệu chạy vòng vòng, cử tọa đàn ông thì cung cung kính kính khiếp sợ, còn các bà Huế sồn sồn đều ăn mặc dễ coi nhưng đầu lắc lư, con mắt trộm lơ mắt thần, mình mẩy nhút nha nhút nhít một cách khêu gợi không tự chủ, và mẫn cuộc kiệu, tôi thấy bà nọ nằm xoài chết giắc.

Trong Nam, tôi đã thấy thầy pháp ngồi nghinh, đập lưỡi dao, dít ngồi trên lưỡi gươm (nhưng có một đồng xu lén chặn kín cho gươm không đâm sâu), tôi lại thấy lên đồng theo kiểu Tàu, lấy sắt nhọn đâm thấu bên này qua bên kia gò má mà máu không chảy và rút sắt nhọn ra thì da thịt liền lại như không có vết sẹo, và lúc bé thơ cha mẹ tôi đã xây Á Rạc Cơ-me làm phép cho tôi lành mạnh đến nay, khi tôi đọc chuyện Flammarion hẹn với bạn và khi khi bạn chết, cây huyền đăng treo chắc trên trần nhà bỗng rơi và vỡ tan đúng giờ bạn từ trần.

Bên Pháp có hội Franc-Macon, bên Mỹ có hội kín Klu-kluc-klan, bên Anh người ta sợ ma nhất. Bên Tây, đền đài phong kiến cổ đều đồn có ma hiện. Còn bên này một lần tôi thấy nơi làng Ông Bà Chiểu bị một trận cuồng phong, cây dầu lớn cả hai người ôm không giáp, mà bỗng gãy ngọn, báo tin trước Giải phóng vô đây và một lần nữa, nhánh to một cây cây dầu nơi mộ Tả quân, giông lớn làm đổ nhánh, chết oan một trẻ nhỏ. Nơi nghĩa địa Quảng Đông, khi dọn làm bến xe lam, có người lấy bia đá mả cũ về dùng làm gì đó rồi đau mà chết (theo tôi không phải vì lấy bia đầu). Và gần đây việc rời mồ mả khiến khách Việt kiều không về lễ tiết Thanh Minh, khiến sở du lịch mất lợi. Hốt cốt chỉ làm cho bọn đào mồ cuốc mả móc họng thây ma tìm báu vật, nhà nước ra lệnh mà không chút tiền mọn vào kho, chỉ chứng tỏ ma nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi trốn đầu mất hết, riêng tôi viết bài này là lấy chút kinh nghiệm “hữu kính hữu thân”, viết lại đây những gì đã nghe thấy, xin người biết chuyện dạy thêm và xin đa tạ.

Trước khi thấy người đàn bà Hòn Chén bị hành xác vì tội coi thường sự thờ phụng bà Chúa Chàm, lúc ấu xuân tại tỉnh quê Sóc Trăng, tôi cũng từng thấy người Tàu lên đồng, đi chân không trên lửa than hồng cháy rực, và khi lên học ở Sài Gòn mấy năm liền, mỗi rằm tháng Giêng ta, có lễ “dâng cô Chà” của người Xã Tri (Chetty) (bọn lấy bạc nhà băng Tây, cho đồng bào ta vay mượn lại, thu lãi cắt cổ). Bọn Xã Tri này nay còn chùa thờ đồ sộ nơi góc Công Lý và Tôn Thất Thiệp cũ, chùa Chà này trước đây có thờ “Bà” và có thiết lập một long đình toà bằng bạc khối, có tượng Phật Bà ngự ở

trên, cả thảy nặng ước trên hai ba trăm kí, long đình đặt trên chiếc xe hai bánh niêng sắt rất lớn và nặng, sức bực hai con bò cổ (cặp sừng bịt bạc) kéo không xuể. Rằm tháng Giêng, tổ chức cô Chà (tôi đã chứng kiến và nướm nượp người hiểu chuyện lạ mắt chứng kiến như tôi- Tây Chêc Miên Chàm đều thấy), cô nặng nề như vậy, cặp bò mạnh mẽ kéo không muốn nổi, thế mà sau khi cô biểu diễn trên nhiều con đường lớn thành phố, cô kéo kéo tới gần trước chùa chính, thì cặp bò cổ được tháo ra khỏi xe và lạ lùng nhất, khó hiểu nhất là bọn sư sãi trong chùa, hiệp với những Xã Tri mộ đạo khác, áp vào thay vai cho con bò cổ, chúng khoảng tám, chín hay mười cặp gì đó nay không nhớ được, thảy đều trần truồng, chỉ đóng một cái khố trắng che bộ đồ kín và lấy móc sắt nhọn cắm ngay vào da lưng non, máu chảy chút ít, móc sắt nhọn mà kéo được cỗ xe nặng, người kéo đi ngã xiêu ngã tó ngất ngư theo sau, áp đảo chiếc xe, có trợ lực hay chẳng, tôi không dám quả quyết, vì người đứng xem đông nghệt như kiến cỏ, và tôi đứng khá xa không trông thấy rõ, trên cao kia, trăng tỏ lầu lầu, chung quanh đèn đuốc sáng trưng, khói trầm xông mịt mù, nghệt hơi nghệt thở, tiếng hô đốc sức, tiếng trẻ la cười, điếc tai nhức óc, tôi chỉ thấy chiếc xe xích tới lần lần, và trên tiếng cô Chà, tượng bà Phật vẫn ngạo nghễ bất tri bất chứng kiến. Độc giả ngày nay tin hay không là quyền riêng của mỗi người, duy tôi sức học chưa tới đâu, xưa nay chỉ biết vâng vâng dạ dạ, theo tôi Phật tại tâm, tâm tức Phật, việc ma việc âm cung cao triết như đức Khổng Tử mà còn không nói rành, tự trong lòng, trong trí tin thì có,

khi ốm khi đau, tôi vẫn thấy vẫn cho vợ cho con vái van âm thầm hay làm thế nào thì mặc...

Một khi nọ, tôi nằm nơi trại dưỡng bệnh nhà thương Chợ Rẫy (cũ), ban đêm rợn tóc không ngủ được vì tiếng rên la của một thầy đội lính kín, gần chết, hấp hối rên khóc rằng thấy hồn ma báo oán của những người làm cách mạng đã bị thầy tra khảo dã man, đánh đập cho sưng tay, không thương người đồng loại, cùng chung một nước mà không biết thương nòi thương nước, nay hiện lên đòi thường mạng, v.v... Có câu xưa: “Hãy đốt phá tiêu tan những gì đã kính thờ, và hãy thờ phượng lại những gì đã đốt phá”, câu ấy đang hiệu nghiệm bên trời kia vậy. Và xin hãy cho tôi miên man xả hơi cho đỡ khổ.

*Về tín ngưỡng, dị đoan, tôn giáo, tâm lí chung của người Miền Nam.*

Cái đề mục này khó nói cho đầy đủ, tôi lại có tật nói thẳng, “trâu già hết sợ dao phay”, và phần lớn là cảm tưởng riêng của tôi, bất luận phê bình, chỉ trích. Trước hết xin hỏi: Tục mê tín dị đoan, do trong này bị ảnh hưởng “Ông Tà, Á Rặc”, hay đã có từ trước ở ngoài Bắc?

Trước khi vào đề, tôi muốn biết chẳng hay ngày nay ở ngoài Bắc, các điện, đền, chùa, miếu thờ cũ, tỉ như câu liễn viết tay của chúa Trịnh Sâm<sup>(1)</sup> có còn hay chăng, và từ ngày Giải phóng vào, năm 1975, ở Huế, những miếu nhỏ nhỏ, xinh xinh, rất nên thơ và đã tô điểm non sông chẳng ít, những cổ tích “mê tín” ấy có còn hay không, tỉ như tôi còn chép lại và tiếc nhớ các câu liễn thờ:

a) “*Thiên giang hữu thủy, thiên giang nguyệt, Vạn lí vô linh, vạn lí xuân*” (Chùa

Từ Ân, nơi gốc một cổ thụ, đề: *Ngoại cảnh nương nương*).

b) Một câu khác: “*Hoàng hôn nguyệt chiếu không đình vãn, Bạch nhật phong sinh cổ thụ hàn*”. (Nơi gốc cổ thụ nọ, miếu nhỏ đề: *Thánh Mẫu hội đồng điện*, đôi liễn treo: “*Nhật nguyệt vô tư chiếu, Giáng sơn hữu hộ trì*”, nơi giữa điện thờ 10 bài vị phủ vải đỏ, và nơi trung tâm thờ Bà Thiên Y A Na, đôi liễn khác đề: “*Điện ngọc phi thượng đẳng, Thần giáng lâm bửu toà*”).

Tôi đốt chữ, mượn người khác đọc, và cố chép được bao nhiêu đó, thăm lấy làm thích, và nay xin hỏi: Có còn hay chăng? Nếu mất thì uổng quá, tiền nhân để lại, không giữ gìn lại phá bỏ hết, ngày nay lập nhiều hội nhiều sở coi về du lịch, mộ khách từ nước ngoài trở về thì đâu còn gì mà cho xem, lăng bà Từ Dũ, quân gian đào lên lấy nữ trang tiên triều, khéo vô song, không biết lấy trưng bày cho khách các nước đến, đem tiền vào xứ, lại nấu chảy thành vàng cục, chia chác cho nhau, đốt ơ là đốt...

Ở thôn Vĩ Dạ, một nẻo nhỏ ở mé sông Hương, có một am con, gọi là Quảng Thăng am, thờ một thánh mẫu (không biết tên), mé tả thờ Tây Cung Vương Mẫu, mé hữu thờ Quan Thánh Đế Quân, nơi chái tả thờ bốn vị sơn nhân Thượng - ngạn chư ông, trước am có một hòn non bộ, theo tôi giang sơn gấm vóc là đó đó, nơi quán cà phê xóm thầy bói và gốc cổ thụ có một miếu nóc đỏ liễn phết vàng,

1. Cặp liễn của chúa Trịnh, đề lối năm 1770 nơi Đền Hùng Vương (Phú Thọ) là: “*Ván lai dĩ sự tu vi sử, Tế nhận như đồ dục mệnh thi*” (Theo Đoàn Như Khê. *Chữ cổ nước Nam*, năm 1937).

đẹp và nên thơ, tôi nay không ra Huế nữa và chỉ nhớ cung nội đền vua lấy làm quán bán nước đường giải khát và mới đây có một hội du lịch mời tôi cộng tác, tôi đã từ chối, một vì đã quá tuổi lao động, hai là cổ tích còn hay mất, tôi nào hay biết và tật của tôi là không biết nói láo. Dấu tích đáng khoe thì đập phá, lại khoe chi đùi ếch, thà để Xiêm - Thái họ bán trình, còn gái nhà, vì nghèo đói, hư nhiều xin đừng xú hư thêm.

Trong bốn trang rồi, tôi nói bắt quàng, nay xin hỏi: “Hèm” là gì? Và ai bày đặt? Trong Nam, Quốc Âm tự vị Huỳnh Tịnh Của là sách thầy mà không biết chữ “Hèm” có nghĩa là “huý, kị”. Hèm trong này là bả hèm, do công ti làm rượu nếp bỏ ra mà mợ dâu tôi đã goá chồng xin về nuôi heo mau mập. Quốc Âm tự vị Huỳnh Tịnh Của còn cho biết thêm: “Đánh hèm” là trét cơm nguội trộn với mật cửa làm cho nắp hòm thêm khít, không hôi mùi thây ma liệm, v.v... Duy tự điển Bắc (Khai Trí Tiến Đức) dạy cho biết:

1. Vì huý kị mà kiêng tên.

2. Lễ phẩm để cúng riêng theo sở thích của một vị thần nào đó, và cho thí dụ: Hèm thần làng này phải cúng lươn mới được bình an.

Nói tóm lại, theo vài sách Tây tôi đã đọc và theo ý riêng tôi, lúc sơ khai, thuốc men không trị nổi nhiều bệnh khó, lang y đã chạy, thì cầu may vái van người khuất mặt, như vậy mà thôn xã bình yên, người đau lành bệnh thì tin tưởng là đầu mối, tin tưởng này về sau sẽ biến nên khoa học và tôi xin miễn bàn, để nói vài tử dụ xác thực, tuy chưa biết ngoài ấy lần nào.

a) Thôn Cổ Nhuế (Từ Liêm), “Hèm” của làng là người hót phân. Khi giỗ, phải lấy nĩa sắt giả bộ gấp trái chuối bóp giập làm cho nát nhẹ rồi bỏ vào giỏ, như vậy thì trọn 5 thôn xã bình an vô sự.

b) Một thôn khác, ở Bắc Ninh (sách Tây viết “Y na” và không chấm dấu, tôi chép y như vậy), *hèm là một ông thầy bói đui*, và khi hành lễ cúng, người tri sự dâng rượu và gấp từng miếng, hô tên thật lớn cho thần biết, v.v...

c) Lại tử như thôn Thụy Khuê (Hà Nội) và thôn Sài Sơn (Sơn Tây), hai vị thần này hiếu chiến, khi cúng thì dân đình hai làng phải đánh choảng nhau, giập đầu chảy máu, đánh đập nhau cho đã nư rồi xin lỗi, bắt tay cười cả hai làng.

Những chuyện thần ăn dơ, thần đui, thần ham “đánh lộn”, theo tôi, mượn tiếng Tiêu (Triều Châu) để giả thích, là tiếng “xính xái”. Tôi đã hỏi nhiều người hay chữ, đều cười hề rằng đó là tiếng thổ âm, không viết ra Hán tự được, tôi tạm dịch “xính xái” là “sơ sai”. Vào tiệm trả giá thấp, khách mua và người bán, đồng nói “xính xái” và bán buôn hòa thuận (anh thua lỗ chút ít, cho tôi mua được món lời). Những chuyện kể nơi trên có thể bỏ qua được, duy các chuyện sau đây:

d) Thôn Khúc Lạc (Phú Thọ), những dụng cụ bày ra cho Hèm thần thấy lúc cúng giỗ là 36 món làm bằng gỗ, gồm 18 ngọc hành và 18 âm hộ, danh từ gọi “*no nàng*”, “*nôn nương*”, do 18 đình tráng và 18 nữ dậy mẩy cầm đi biểu diễn khắp đường khắp xóm và ca hát những câu tục khêu gợi, tiếc sách Tây không chép để dành.

e) Còn nơi thôn Đông Kỳ (Bắc Ninh), Hèm thần bày trò khác xa: Khi đưa hèm hành lễ, vị trưởng lão dẫn đầu đám kiệu, vẫn lấy ngọc hành đút nhét cho vào lỗ nọ và miệng hát, tôi nhái lại “Nó nằm, nằm sao? Nó nằm, nằm vậy nè, v.v...” (câu này tôi chế cho mau hiểu chớ không có trong sách). Và khi kiệu hèm tới miếu, thì các câu hát và các trò nẩy múa còn tợn nhiều.

f) Trở lại lớp xưa, xin kể qua sơn thần giành vợ đẹp với thủy thần. Tôi nói tắt qua tục ngoài Bắc, để tránh ngập lụt, dân đã làm bờ đê, từ nhiều đời, mỗi lần đê vỡ là chết làng, chết xóm, cá tôm thấy đều trôi ra biển, dân không nhờ cậy miếng nào, trong khi ấy, ở miền Nam, trời dành sẵn hai “túi nước”: ở trên Co-me là biển Hồ (Thổ gọi Tonle - sáp, Tolé là biển, sáp là nước ngọt). Biển Hồ (Tonle - sáp) tôi nói là đấng Tạo hoá sắp đặt cho miền Nam, khỏi cần đắp bờ đê, mà khỏi ngập lụt, lại là một mối lợi thật lớn, làm cho miền Nam thành: “Phật địa”, cá tôm dư dả.

g) Nơi một thôn khác, thôn Đàng Nhiêm (Bắc Ninh), thờ “thần hổ”, cạp ăn thịt người, ghê sợ quá nên tôn làm thần. (Trong Nam, tỉnh Gia Định, trước có một tổng, tên gọi “Tổng Ăn Thịt”. Vì cạp quá nhiều và vì dữ tên nên gọi “Tổng Ăn Thịt”, thì đủ hiểu, và cách đây không xưa lắm, cạp đã lết ra tới rất gần tỉnh thành.) Nơi Đàng Nhiêm này, ngày trước, Hèm đội lốt cạp, vị lão thành đại diện cho thôn xã, một đêm hành lễ, mặc da cạp vào và dạy tắt đèn, trong khi tối lửa tắt đèn như vậy, tha hồ cho trai đứng lúa và gái đến thì trong làng, giả làm hoảng sợ, xô chạy té đùn cục, chồng chất lên nhau và mặc sức mò mẫm, loạn xạ ngậy, và khi đèn

thấp lên, ông làng bỏ lốt cạp ra, cáo lỗi, thì sự đã rồi, đó không phải là “dâm loạn” đâu mà kì trung bên trời Âu, trời Mỹ, trời Anh cũng vẫn có cảnh “magie noire”, và biết đâu chừng, Âu và Á, Đông và Tây gặp nhau, đó là sự trao đổi ái ân và sự thêm khát, có khi âm và dương gặp nhau rồi trở nên “chồng vợ”, không chi đi nữa, thì đó là xác thịt đòi hỏi.

Xưa thờ những gì không cất nghĩa được, Thần Sấm, Thần Sét, thần làm mưa gió, pháp sư biết trước chừng nào nên mở mùa gieo mạ, chừng nào thu hái, v.v... thần là một cội cây bị trời đánh mà vẫn trở nhánh không tàn lụi. Con rồng (long) là gì, nếu chưa cất nghĩa đó là con sấu (ngạc ngư) nằm dưới ngọn suối nước sâu có sa mù che khuất, khi sấu hiện là có mưa đem nước làm ruộng và thi vị hoá sấu biến thành giao long, phi long, và “cù dật”, hổ mang, thường luồng, cũng là sấu với nhiều hình dạng hình thù khác nhau.

Như đã biết, ở miền Bắc có lễ thượng điền rồi lễ hạ điền, lễ tế Nam Giao của vua mở đường cho dân cày ruộng, lễ bà hoàng hậu để nuôi dâu tằm cho đàn bà biết dệt vải quay tơ. Trong miền Nam, người Khơ-me làm ra tục “rước nước” (chôl-pa-sa) để có nước làm ruộng và khi có lúa rồi, thì làm lễ “đưa nước, trả nước về nguồn” (chênh-pa-sa) cho nước nghỉ ngơi và dân có thời giờ xả hơi, đua ghe ngo (om- tuk- ngua), đá gà, vui chơi đèn bù một năm cực nhọc, duy tên gọi thì khác, chớ cũng chung một tâm lí như nhau.

Hèm “thần hổ”, ở miền Bắc còn nhiều làng thờ, tôi hiểu là một tình ái cho trai gái đứng lúa mà còn muộn sự thành vợ

thành chồng, có phải vậy chăng và xin thỉnh giáo.

Nay xin cho tôi bàn rộng và tự do, viết hết những gì trong trí óc nghĩ ra, gọi là xả hơi cho bớt tức:

Tôi nhớ lại, ngoài kia còn thờ một bà thần ghê rợn, là “Bà Banh” (banh cho tét bét tanh bành, ghê chưa?) và tử như ngoài ấy có Hèm “ăn trộm” thì tôi nhớ rõ, quê tôi là tỉnh Sóc Trăng, trước đây vẫn có một bọm “ăn trộm” tài dách, tên là “Ngọ Ma” (duy chưa được tôn làm “hèm”) và tôi xin kể chuyện sau đây: “Làng Trà Cuôn (nhập bộ đời Tây là làng Lịch Trà, Trà Cuôn và lại tiếng Miên (Khơ-me), có nghĩa là rau muống, cách đây độ nửa thế kỷ, có hai anh em vì quá đói, sinh nghề đạo tặc, người em tên là Ngọ, người anh tên là gì tôi không biết. Một đêm khuya, hai anh em đến nhà một bá hộ trong làng, trong khi người anh đào ngạch, vừa dứt đầu vào trong, chẳng may trong nhà chém gần đứt cổ, người em vác thây kịp mang về, người anh hấp hối còn kịp trối: “Lấy cái quần của anh, khi nào hành nghề, cứ mặc vào, thì có anh theo ủng hộ”. Và từ ấy, Ngọ thành “Ngọ Ma” tiếng đồn gần xa đều biết, Ngọ Ma tài tình không ai bì kịp, nhà nào có bao nhiêu tiền, cây cột nhà giữa có mấy mắt, Ngọ Ma đều biết và nói trúng phong phúc, người ta đồn Ngọ Ma có nhâm độn, và có cuốn tổ truyền “Du đô lỗ đô” gì gì đó mách nghề và dạy Ngọ Ma. Tử sát kiên cố cách mấy (hiệu Bauche, Denis Freres), chắc chắn mấy Ngọ Ma cũng mở như chơi, và lấy trăm bạc ngàn, lớp ăn xài huy hoác, lớp tung vãi cho bất cứ ai túng thiếu. Ngọ Ma thành danh, thậm chí một

bác sĩ tên Nguyễn Bình, lấy hiệu là Biến Ngũ Thy đã viết lại thành tiểu thuyết đầu tiên “Ba Lâu, rông nghề đạo tặc”. Ngọ Ma ấy về sau vẫn sinh con đẻ cháu, một cháu ngoại sánh duyên cùng một kỹ sư nông lâm, làm đến giám đốc sở Nông Lâm Súc đời Diệm. Thiên địa chí công chỗ nào? Tôi nói không có chỗ dừng và đã gần lạc đề, và tôi muốn nhấn mạnh, thứ gì ngoài kia có thì trong này đều có, và tiếng tục không phải trong này có trước, tử như “Cu”, “Dái”, “Đĩ”, ba miền đều dư, khỏi cần cắt nghĩa, duy cách dùng có miền nào hơn ngoài ấy, nào những danh từ “thằng cu”, “cái đĩ”, “bố cu”, “mẹ đĩ”, theo tôi tùy chỗ dùng, tùy giọng điệu phát âm, khi tục khi thanh, tôi cho là không có nước nào hơn.

Bây giờ, xin cho tôi có một ít hàng để kết thúc và nói chuyện xây Á Rặc của tỉnh chôn nhau rún tôi là Sóc Trăng. Làng sinh ra tôi là làng Xoài Cả Nả (do tiếng Miên Xoai- chrum biến ra Xoài Chum, rồi Tài Sum, sau đó vì sáp nhập với làng kế cận Trà Tâm, nhập đôi hoá ra Đại Tâm), lối năm 1920 – 1930 còn nhiều ở nhà thờ Á Rặc, cách thờ phượng thật oái ăm, khi thì thờ có trang, bệ gỗ đóng cao gắn liền vào vách lá, cũng thì tà thần, nhưng còn một chút ít cổ truyền thọ giáo từ trên Nam Vang, tận Xiêm La, lên tới Miến Điện, hoặc của Chàm Hời, của Chà Chau – vang (Châu Đốc), khi khác lại thờ chỗ dơ dáy, dưới kệ sần tre ọp ẹp, nơi xó hóc kệ bếp kệ chuồng heo và đó là *dâm thần, Á Rặc nảy*, do thầy học lóm, ban đêm giờ khuya, đến rình nhà rồi sau đó lên đồng xưng Á Rặc, nó nói không sai một mảy, vợ chồng lạy lia và kinh sợ,

chuyện nhỏ chuyện kín bàn với nhau, âu yếm với nhau, nó học lại và cười khúc khích, phải lo lót với Á Rặc này một nải chuối lá Xiêm, nếu Á Rặc chưa chịu, phải nạp một đầu heo luộc chấm mắm bò hóc (Prha – hoc) và xả ớt thật cay, rượu công - xi (công ty của nhà nước); lại có một Á Rặc tính nghi kị, vật cúng, chuối thì bẻ ăn trước một tái rồi Á Rặc mới tin, rượu thì ném trước, v.v... Di út tôi thờ một Á Rặc nòi, gần Tết đưa con lấy chổi quét đường mương nhúng vào nước cầu xí, và không cho di tôi thờ Á Rặc nữa, mà Á Rặc kiêng nó nên không xảy ra sự gì bất thường. Nó càng được trớn làm tay thêm mạnh, một hôm nghe một nhà trong xóm đang xây Á Rặc, có cúng một con gà giò luộc ngon lành, và rượu để nguyên chai lít, nó xông vào nhà ấy, ngồi đối diện với đồng cốt đang đối khăn vải đỏ, đầu lắc lư, tay cầm một chung rượu chưa kịp đặt vào môi, chủ nhà vốn là thân nhân, ngồi làm thinh để coi xảy ra thế nào, tự nó giới thiệu: “Á Rặc uống rượu một mình, không mấy vui, để tôi cùng làm bạn”. Nó bẻ đầu con gà luộc, mổ trên mổ dưới, đưa cho đồng và nói: “Đó là đầu gà, ngon lắm, ăn đi”, nói xong, nó cho đầu gà vào mâm, vừa nhai vừa nốc rượu chén này qua chén khác. Tiếp theo nó bẻ cặp giò gà, xơi ngon lành và chỉ còn chừa mấy cái móng đưa cho đồng, đồng ngả ngửa trực thăng. Sau sự việc đó gia chủ và vợ con trong nhà vẫn lành mạnh và không thờ Á Rặc nữa.

Một hôm, có người trong xóm tức lí, xây Á Rặc lên và hỏi: “Sao Á Rặc thấy thẳng đó nó vô lễ như vậy mà Á Rặc không bẻ cổ vạn hòng nó?”. Á Rặc đáp:

“Có làm mấy lần mà không được. Muốn nhập vào xác nó thì da căng nó không dính liền với mặt đất, rờ hoài, vẫn bị một lớp gì thật dày, nhập hồn vô xác nó tuột tuốt tuốt” (vì em bạn di tôi còn đi giày do Tây cấp).

Câu hỏi khác: “Sao không bắt hồn Tây, vạn hòng Tây?”

Trả lời: “Ông bà mình thua chúng nó, chúng nó là kẻ thắng, sợ nhứt là cái kèn đồng “tò te” vừa nghe vừa khiếp vía, chính thằng ấy, Á Rặc cũng không ưa luôn và mỗi khi Á Rặc xây lên, dừng cho nó ới phá đám”.

Câu hỏi khác: “Sao Á Rặc không vạn cổ thằng ăn trộm?”

Đáp: “Quân ăn trộm, có đưa treo lên từ trên nóc nhà xuống, Á Rặc không bắt được. Lại có đưa trộm vào nhà bằng gạch đào dưới vách, nhưng đi ngược, cách trông chuối ngược, Á Rặc rờ mấy lần không thấy cái đầu, mò thấy cái đầu, mò thì thấy hai chun lông lá um sùm, không chụp được cái đầu thì làm sao vạn cổ được?”.

Một miếu Á Rặc ở tận Cà Mau, nơi mé rừng tràm. Á Rặc này có tài mạch lẻo, giúp nhiều người trong xóm, kẻ trúng đề kẻ thắng bài cào, me, cu di, và Á Rặc này buộc cúng hiện kim, khiến trong miếu la liệt vòng vàng, cá rá, nĩa bạc, khâu vàng, bạc trắng “con đằm xoè” (piastres indochinoises) mà không một ai dám rờ tới, vì Á Rặc rất thiêng liêng, rờ đến là đi đời theo ma Á Rặc. Bỗng một buổi trưa nọ, có một bọm bãi, ghiền gập, gốc Ba Tàu (Tiêu Châu họ Quách) lân la đến miếu, lên nhang lên đèn trong khi không

có người trong xóm qua lại, Ba Tàu thưa nhỏ nhỏ:

Á Rặc một mình, buồn, xin để tôi lúc lác hột xí ngẫu lác (tứ, ngũ, lục) cho Á Rặc đặt. Rồi tự Ba Tàu trả lời rằng Á Rặc ưng chịu, cuộc đổ đen diễn ra, cứ Á Rặc thắng thì Ba Tàu chung tiền chung vàng sòng phẳng, và khi hột lúc lác hiện ra Á Rặc bại thì Ba Tàu vừa khi chiếc vòng, khi cọc bạc, lần lần, ngày này qua ngày nọ, miếu Á Rặc sách trơn như bộ ván gỗ chùi bóng.

Vì đồng Á Rặc lên giá, buộc làng xã không cho chệch họ Quách léo hánh xóm nữa. Nhưng bọm lúc lác kia đã cao chạy xa bay từ lâu rồi. Thuật theo lời Cù Hũ (cậu Hũ, Bã Xâu).

*Về tâm lí, tín ngưỡng, tôn giáo chung của người ba miền*

Gái Bắc đẹp, duyên dáng lúc xuân, về lớn tuổi, có thể trèo tận óc o mà vẫn chưa vừa bụng.

Gái Trung, mô tê răng rứa nghe quen cũng bùi tai. Xưa làm thiệp làm hầu cho quan đã quen nết, nhưng từ ngày Giải phóng không còn tráp để khoá răng chồng, duy gái miền Trung lai Chàm, cặp mắt bồ câu có thể làm cho chồng thụt kết sắt rồi “ủ tờ” và tôi không dám nói nhiều. Khi thương thì ngọt như mít như mật, khi hết thương thì giọng trọt trọt bưng tai nhức óc.

Chi bằng gái miền lai căng, đầu gà đít vịt, sống đồng bằng nên tánh bằng than

ưa tha thú, duy tánh hay “đậu chén”, đánh bài giờ.

Kể chung người ba miền, làm sao cho khỏi đụng chạm, người ở trên kia, quanh năm quen rau và khoai, một năm ăn thịt đôi ba lần (theo lời ông bạn quý, qua cố Lộc Đình – Nguyễn Hiến Lê), người ở khúc giữa, ưa thừa cơ hội bán thuốc tây trở nên thủ hiến, rồi bỏ chạy có cờ.

Khi muốn có vợ đẹp, ép vào đạo cũng ưng, cưới xong, ai theo đạo nấy. Khi không tiên, cha bảo học thuộc kinh, vào đạo thì có tiên, bèn chịu liền. Lễ Noel thức khuya ăn nhậu khoái khẩu. Gân Chà, ban đầu chảy nước mắt nước mũi, ăn quen nhớ cà ri. “Người Nam mà ở đất Chà, ăn cơm của khách, mượn nhà của Tây”. Ngày nay nhà của ai thì nấy làm chủ, chớ khi Giải phóng năm 1975 vào thì sợ quá, áo có bọc lưới sắt bắn không lủng, nón sắt, giày di trận, đều đem bỏ đóng rác, nay tỉnh hồn tìm lượm hoặc mau lại, đôi kết, xách túi tòn ten, không biết nhục, cha làm bác sĩ có nhà lầu, đường Công Lí cũ, giải phóng vô, con định bỏ nhà ra nước ngoài, bán nhà đột lạng vàng, nay không hà tiếc thì đã muộn, có bộ ván ba lật đặt bán, nay nằm trên gạch chùi lảng... Theo tôi, người mình không có tôn giáo, tôn giáo nào cũng theo và cũng lia được, còn tín ngưỡng thật là dễ dãi, chính bản thân tôi, khi bạn Da - tô măn phân, tôi đi nhà thờ, khi khác tôi đi chùa và người Hồi mất tôi cũng vào chùa Hồi và rằng vô tội vạ./.